

Số : 36 /CBTT-THP

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau :

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
 - Mã chứng khoán : THP
 - Địa chỉ : 02 Bùi Quốc Hưng, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
 - Điện thoại liên hệ : 0236.3920920 Fax : 0236.3923308.
 - Email : info@thuanphuoc.vn. Website : www.thuanphuoc.vn

2. Nội dung thông tin công bố :

- BCTC năm 2024
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

- Có Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/3/2025 tại đường dẫn : www.thuanphuc.vn(quanhecodong/baocaotaichinh)



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THUY SAN VÀ T. MAI THUAN PHUC
TP. DANANG

NGUYỄN THỊ PHI ANH

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2024;
- Văn bản giải trình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ
THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên

Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng ban
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Bà Lê Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/05/2024
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/08/2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Nguyễn Thị Phi Anh, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit/).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Số: 45/2025/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 03 năm 2025 từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Như Phương
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2293-2023-240-1

Lê Văn Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5399-2025-240-1

Người được ủy quyền

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		880.684.632.953	1.045.129.291.071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		61.956.297.904	48.966.196.602
1. Tiền	111	4.1	61.956.297.904	45.066.196.602
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	7.364.167.388	7.160.429.778
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.738.174.988	2.580.020.628
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(374.007.600)	(419.590.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		354.311.834.406	328.678.092.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	328.623.114.839	281.854.536.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.414.969.065	13.799.013.228
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	20.337.795.102	33.088.587.192
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(64.044.600)	(64.044.600)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	446.024.843.982	646.901.965.233
1. Hàng tồn kho	141		446.026.629.922	646.981.717.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.785.940)	(79.752.625)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.027.489.273	13.422.606.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	640.990.934	1.079.278.249
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.386.498.339	12.343.328.528
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444.231.296.942	483.240.078.591
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.413.754.000	6.116.320.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	6.413.754.000	6.116.320.000
II. Tài sản cố định	220		393.708.114.057	432.395.109.979
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	357.844.978.184	395.541.450.158
Nguyên giá	222		741.703.733.260	733.853.080.204
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(383.858.755.076)	(338.311.630.046)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	35.863.135.873	36.853.659.821
Nguyên giá	228		41.680.871.696	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.817.735.823)	(4.827.211.875)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.061.756.481	4.693.650.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	7.061.756.481	4.693.650.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.047.672.404	40.034.998.612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	37.047.672.404	40.034.998.612
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.324.915.929.895	1.528.369.369.662

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		969.166.946.862	1.174.174.989.103
I. Nợ ngắn hạn	310		859.644.020.310	1.021.388.062.551
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	51.877.575.099	46.745.450.608
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	17.660.583.982	9.797.957.486
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.973.068.583	5.730.327.195
4. Phải trả người lao động	314	4.15	40.953.445.258	38.552.098.382
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	5.447.866.284	6.811.729.255
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	5.722.869.985	1.810.617.823
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	723.448.978.286	897.520.651.969
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.559.632.833	14.419.229.833
II. Nợ dài hạn	330		109.522.926.552	152.786.926.552
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	109.522.926.552	152.786.926.552
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		355.748.983.033	354.194.380.559
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	355.748.983.033	354.194.380.559
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		216.111.850.000	216.111.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(4.234.000)	(4.234.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.509.529.059	123.881.807.660
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.131.837.974	14.204.956.899
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.131.837.974	14.204.956.899
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.324.915.929.895	1.528.369.369.662



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.092.133.474.950	2.908.601.656.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	8.702.027.575	27.529.900.312
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.083.431.447.375	2.881.071.755.985
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	2.823.364.447.143	2.651.081.800.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		260.067.000.232	229.989.955.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	59.930.022.942	48.547.027.761
7. Chi phí tài chính	22	5.5	92.479.951.119	106.252.352.220
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>43.992.695.550</i>	<i>55.952.644.894</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	164.371.145.447	109.854.037.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	44.262.667.284	42.725.230.760
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.883.259.324	19.705.362.473
11. Thu nhập khác	31	5.8	195.288.581	1.635.995.654
12. Chi phí khác	32	5.9	766.327.149	1.393.442.005
13. Lợi nhuận khác	40		(571.038.568)	242.553.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.312.220.756	19.947.916.122
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.858.225.782	5.742.959.223
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.453.994.974	14.204.956.899
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.6	560	468
19. Lãi sau giảm trên cổ phiếu	71	4.19.7	560	468



Nguyễn Thị Phi Anh

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Hà Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.312.220.756	19.947.916.122
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		47.010.884.272	47.191.012.874
Các khoản dự phòng	03		(123.549.935)	(94.117.586)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.129.794.496	1.604.802.011
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(242.799.466)	(321.226.828)
Chi phí lãi vay	06		43.992.695.550	55.952.644.894
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		117.079.245.673	124.281.031.487
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.963.208.614)	(55.607.485.934)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		200.955.087.936	(145.372.893.153)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		13.926.530.378	(5.427.528.612)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.770.613.523	8.893.653.864
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(158.154.360)	2.135.647.238
Tiền lãi vay đã trả	14		(45.193.578.828)	(55.039.921.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.693.838.663)	(5.626.016.618)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.953.597.000)	(9.553.438.273)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		255.769.100.045	(141.316.951.447)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.639.888.350)	(20.440.927.024)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn của đơn vị khác	22		36.363.636	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		261.085.830	507.097.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.342.438.884)	(19.933.829.463)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.655.246.989.324	2.788.819.930.737
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(2.881.249.612.637)	(2.585.316.288.306)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(6.454.080.000)	(6.632.855.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(232.456.703.313)	196.870.786.871
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		12.969.957.848	35.620.005.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.966.196.602	13.394.058.906
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		20.143.454	(47.868.265)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		61.956.297.904	48.966.196.602



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 29/06/2007, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 9 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/10/2024 với mã số doanh nghiệp là 0400100432.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo số 1330/TB-SGDHN ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là THP.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 216.111.850.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.419 người (tại 31 tháng 12 năm 2023 là 2.834 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp đông lạnh 32	Số 03 đường Vân Đồn, Khu công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp thủy sản và thực phẩm	Lô B3-3 đường Phạm Văn Xảo, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Nhà máy đông lạnh Mỹ Sơn	Khu Công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước - Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2024</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 13 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 08 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị các quyền sử dụng diện tích đất tại Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày chốt quyền trả cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quý dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ngành; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Áp dụng mức thuế suất là 15% đối với hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Thuế giá trị gia tăng:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản;
- Các hoạt động khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định đầu tiên của cơ quan thuế.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế, nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu đông lạnh An An tại Tiên Giang chỉ thực hiện sản xuất và thành phẩm được chuyển về kho tại Đà Nẵng để xuất khẩu. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến thủy sản và xuất khẩu tại khu vực địa lý chủ yếu là các thị trường bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ (VND)		8.497.425		1.853.254
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		61.947.800.479		45.064.343.348
+ VND		286.668.141		352.575.857
+ USD	2.441.168,18 #	61.641.937.714	1.855.951,00 #	44.691.300.080
+ EUR	144,17 #	3.764.763	147,34 #	3.885.378
+ JPY	97.380,00 #	15.429.861	98.832,00 #	16.582.033
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng		-		3.900.000.000
Cộng		61.956.297.904		48.966.196.602

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:				
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	279.661.473	518.270.400	158.168.178	315.647.300
Công ty Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)	41.250.000	26.860.000	41.250.000	19.750.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	703.261.065	714.850.000	-	-
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam (VNIM)	1.323.297.600	963.680.000	1.989.897.600	1.635.920.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	390.704.850	466.458.400	390.704.850	346.591.600
Cộng	2.738.174.988	(374.007.600)	2.580.020.628	(419.590.850)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Beaver Street Fisheries, Inc	29.221.154.885	32.594.637.432
Eastern Fish Co .llc	10.912.948.899	32.576.962.471
LP Foods PTE ltd	39.795.576.000	31.207.680.000
Các khách hàng khác	248.693.435.055	185.475.256.958
Cộng	328.623.114.839	281.854.536.861

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Anh Phát	-	2.941.262.599
PACIFIC SEAFOOD S.A	-	6.726.450.000
Công ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Hoàng Tú	1.261.411.056	-
COMERCIALIZADORA INTERNACIONAL DE MARISCOS CINTEMAR S.A.S	1.739.939.136	-
Các nhà cung cấp khác	2.413.618.873	4.131.300.629
Cộng	5.414.969.065	13.799.013.228

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	19.271.620.123	-	31.962.557.539	-
BHXH, BHYT, BHTN	1.066.174.979	-	1.126.029.653	-
Cộng	20.337.795.102	-	33.088.587.192	-
Trong đó: Phải thu khác các bên liên quan – xem thêm mục 7	18.546.489.690	-	30.564.806.040	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	6.413.754.000	-	6.116.320.000	-
Cộng	6.413.754.000	-	6.116.320.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	64.044.600	-	64.044.600	-
Cộng	64.044.600	-	64.044.600	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Quang Tiến	64.044.600	-	Trên 3 năm	64.044.600	-	Trên 3 năm
Cộng	64.044.600	-		64.044.600	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi đi bán	12.507.231.989	-	42.970.025.886	-
Nguyên liệu, vật liệu	253.855.413.740	1.785.940	348.717.788.701	79.752.625
Công cụ, dụng cụ	17.242.801.734	-	15.207.720.015	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.960.126.701	-	5.530.136.216	-
Thành phẩm	159.461.055.758	-	234.556.047.040	-
Cộng	446.026.629.922	1.785.940	646.981.717.858	79.752.625

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm 31/12/2024 là 1.785.940 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là 446.026.629.992 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	405.581.597.183	286.778.051.868	37.590.824.383	3.902.606.770	733.853.080.204
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.300.000.000	-	-	3.300.000.000
Mua trong năm	-	4.692.587.440	203.092.000	128.208.910	5.023.888.350
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(473.235.294)	-	(473.235.294)
Tại ngày 31/12/2024	405.581.597.183	294.770.639.308	37.320.681.089	4.030.815.680	741.703.733.260
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	142.267.387.854	161.053.904.800	31.378.819.757	3.611.517.635	338.311.630.046
Khấu hao trong năm	23.418.343.550	21.212.082.697	1.241.151.728	148.782.349	46.020.360.324
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(473.235.294)	-	(473.235.294)
Tại ngày 31/12/2024	165.685.731.404	182.265.987.497	32.146.736.191	3.760.299.984	383.858.755.076
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	263.314.209.329	125.724.147.068	6.212.004.626	291.089.135	395.541.450.158
Tại ngày 31/12/2024	239.895.865.779	112.504.651.811	5.173.944.898	270.515.696	357.844.978.184

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 301.206.175.761 VND.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 184.195.876.894 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	41.004.099.758	676.771.938	41.680.871.696
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	41.004.099.758	676.771.938	41.680.871.696
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	4.364.842.271	462.369.604	4.827.211.875
Khấu hao trong năm	898.087.014	92.436.934	990.523.948
Tại ngày 31/12/2024	5.262.929.285	554.806.538	5.817.735.823
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	36.639.257.487	214.402.334	36.853.659.821
Tại ngày 31/12/2024	35.741.170.473	121.965.400	35.863.135.873

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 35.741.170.473 VND.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 307.024.200 VND.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2024 gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3378 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 21.355 m², có thời hạn sử dụng đến ngày 13/02/2067. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang;
- Quyền sử dụng đất tại thửa đất 3388 tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang với tổng diện tích 1.592,6 m², trong đó 214,7 m² có thời hạn sử dụng đến tháng 10/2043, 1.377,9 m² có thời hạn sử dụng đến ngày 11/01/2068. Mục đích sử dụng để xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An tại Tiền Giang.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nhà máy Thọ Quang (Mua sắm máy móc thiết bị)	-	4.654.000.000
Nhà máy An An mở rộng	5.633.520.370	-
Khu nuôi tôm Bến Tre	-	39.650.000
Lắp đặt hệ thống PCCC	1.428.236.111	-
Cộng	7.061.756.481	4.693.650.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	1.079.278.249
Chi phí bảo hiểm	458.303.478	-
Phi cải tạo	119.166.666	-
Chi phí trả trước khác	63.520.790	-
Cộng	640.990.934	1.079.278.249
Dài hạn		
Tiền thuê đất Thuận Phước	25.200.874.014	26.131.367.826
Tiền thuê đất vùng nuôi Ba Tri Bến Tre	2.842.498.596	496.314.678
Công cụ dụng cụ xuất dùng	949.849.409	4.737.120.796
Chi phí sửa chữa tài sản	1.476.234.188	3.340.550.955
Tiền thuê đất Thửa đất số 3488(Dt:1377.90m2)	508.526.152	519.868.744
Chi phí cải tạo, nâng cấp Điền Môn	606.899.840	3.819.382.526
Tiền thuê bãi bồi	2.790.773.670	-
Chi phí trả trước khác	2.672.016.535	990.393.087
Cộng	37.047.672.404	40.034.998.612

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Royale Marine Impex PVT Ltd	11.038.032.000	11.038.032.000	11.519.988.480	11.519.988.480
THE WATERBASE LIMITED	11.635.741.433	11.635.741.433	-	-
GEO AQUATIC	-	-	9.162.188.640	9.162.188.640
ITC LIMITED	5.872.026.061	5.872.026.061	-	-
Các đối tượng khác	23.331.775.605	23.331.775.605	26.063.273.488	26.063.273.488
Cộng	51.877.575.099	51.877.575.099	46.745.450.608	46.745.450.608

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
SUSHI SUSHI AUSTRALIA PTY LTD	-	1.543.075.380
TOKYO EUROPE TRADING CO., LTD. IN SEIJOISHII GROUP	5.700.299.450	4.954.841.167
AMERICAN EEL DEPOT CORP.	2.803.387.070	-
COMINPORT SP.ZO.O	2.264.670.000	-
Các khách hàng khác	6.892.227.462	3.300.040.939
Cộng	17.660.583.982	9.797.957.486

4.14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2024 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nội địa	12.255.130	526.288.444	517.963.835	3.930.521
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.576.359.634	2.576.359.634	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	61.517.070	61.517.070	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.858.225.782	1.858.225.782	5.693.838.663	5.693.838.663
Thuế thu nhập cá nhân	102.587.671	1.246.092.962	1.176.063.302	32.558.011
Thuế tài nguyên	-	304.845.570	304.845.570	-
Các loại thuế khác	-	24.345.463	24.345.463	-
Cộng	1.973.068.583	6.597.674.925	10.354.933.537	5.730.327.195

4.15. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Lương	40.953.445.258	38.552.098.382
Cộng	40.953.445.258	38.552.098.382

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay	645.979.694	1.846.862.972
Chi phí tư vấn kỹ thuật	1.573.222.844	1.242.773.376
Chi phí gia công thành phẩm	-	2.277.202.194
Chi phí vận chuyển	1.602.067.839	211.782.444
Chi phí tiền điện	1.198.556.252	-
Các khoản chi phí khác	428.039.655	1.233.108.269
Cộng	5.447.866.284	6.811.729.255

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Kinh phí công đoàn	792.211.415	1.231.271.753
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	608.501.570	579.346.070
Cộng	1.400.712.985	1.810.617.823

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

Ngoại tệ	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Ngoại tệ	Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Vay ngắn hạn (USD)							
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	17.086.638,78 #	436.580.707.468	978.076.884.441	846.826.302.656	12.503.281,15	305.330.125.683	305.330.125.683
- Ngân hàng TMCP Công thương	1.114.607,00 #	28.479.323.457	150.614.434.161	360.754.708.958	9.771.482,32	238.619.598.254	238.619.598.254
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	- #	-	98.804.580	12.471.979.020	506.682,00	12.373.174.440	12.373.174.440
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN	901.256,49 #	23.028.004.576	23.028.004.576	-	-	-	-
Vay ngắn hạn (VND)							
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	41.064.239,497	41.064.239,497	604.463.790.729	708.495.970.686	145.096.419,454	145.096.419,454	
- Ngân hàng TMCP Công thương	139.160.656,947	139.160.656,947	805.671.419,983	807.337.736,847	140.826.973,811	140.826.973,811	
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	18.872.046,341	18.872.046,341	101.960.600,484	90.844.290,174	7.755.736,031	7.755.736,031	
Vay dài hạn đến hạn trả							
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương	-	-	-	3.254.624,296	-	3.254.624,296	
- Ngân hàng TMCP Công thương	36.264.000,000	36.264.000,000	36.264.000,000	36.264.000,000	-	36.264.000,000	
- Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	-	-	8.000.000,000	-	8.000.000,000	
Cộng	723.448.978,286	723.448.978,286	2.700.177.938,954	2.874.249.612,637		897.520.651,969	
Vay dài hạn (VND)							
- Ngân hàng TMCP Công thương	72.522.926,552	72.522.926,552	-	36.264.000,000	-	108.786.926,552	
- Bà Nguyễn Thị Phi Anh	12.000.000,000	12.000.000,000	-	-	-	12.000.000,000	
- Ông Trần Văn Linh	-	-	-	7.000.000,000	-	7.000.000,000	
- Bà Lê Thị Minh Thảo	10.000.000,000	10.000.000,000	-	-	-	10.000.000,000	
- Bà Lê Thị Thanh Thảo	15.000.000,000	15.000.000,000	-	-	-	15.000.000,000	
Cộng	109.522.926,552	109.522.926,552	-	43.264.000,000		152.786.926,552	
Tổng cộng	832.971.904,838	832.971.904,838	2.700.177.938,954	2.917.513.612,637		1.050.307.578,521	
Trong đó Vay bên liên quan - Xem thêm mục 7	37.000.000,000	37.000.000,000	-	15.000.000,000	-	52.000.000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 115/2024/CTD/VCB-KHDN ngày 24/07/2024, với hạn mức 650 tỷ VND hoặc USD với thời hạn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:
 - + Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 95 (lô B2-1 và B2-2) KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng thuộc sở hữu của khách hàng.
 - + Tài sản gắn liền với đất là nhà máy chế biến thủy sản và chế biến thực phẩm thủy sản đông lạnh xuất khẩu thuộc sở hữu của khách hàng.
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 51, tờ bản đồ số 14, KDC Phúc Lộc Viên, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cho ông Lê Văn Cường tặng cho bà Lê Thanh Thảo ngày 09/12/2022.
 - + Hệ thống máy móc thiết bị đã qua sử dụng thuộc nhà máy Thọ Quang.
 - + Hệ thống máy móc thiết bị hình thành từ dự án xí nghiệp đông lạnh 32.
 - + Hàng hóa luân chuyển bao gồm nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong quá trình sản xuất kinh doanh và quyền đòi nợ/quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh thương mại thuộc sở hữu của khách hàng với giá trị tương đương tỷ lệ dự nợ ngắn hạn của khách hàng tại ngân hàng trên tổng dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 300029792-HĐCVHM/NHCT480-THUANPHUOC ngày 12/08/2024, với hạn mức 600 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn 12 tháng kể từ ngày 12/08/2024 đến hết ngày 12/08/2025, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam theo hợp đồng tin dụng số 4773908.24 ngày 13/07/2024, với hạn mức 100 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, được đảm bảo theo các tài sản đảm bảo sau:
 - + Quyền đòi nợ/khoản phải thu hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu theo phương thức L/C xuất khẩu hoặc T/T từ các nước: Châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc.
 - + Hàng hóa là tôm nguyên liệu, tôm thành phẩm các loại, tồn kho luân chuyển. Giá trị HTK thế chấp tại VIB tương ứng với tỷ lệ số dư tín dụng ngắn hạn của bên được cấp tín dụng tại VIB trên tổng dư nợ ngắn hạn của khách hàng tại các tổ chức tín dụng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo hợp đồng tin dụng số 112-00029484.1924.1/2024/HHTD ngày 24/10/2024, với hạn mức 50 tỷ VND hoặc ngoại tệ tương đương với thời hạn đến ngày 29/09/2025, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cam kết bảo lãnh:

- Bà Nguyễn Thị Phi Anh đã dùng số dư tài khoản tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng Cấp tín dụng số 115/2024/CTD/VCB-KHDN ngày 24/07/2024, tất cả các hợp đồng Cấp tín dụng và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Công ty và Ngân hàng trong thời hạn 20 năm kể từ 01/01/2017.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

Đối tượng	Hợp đồng		Hạn mức	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
	Số	Ngày					
TMCP Công thương Việt Nam	01/2019-HDCVDADT/NHCT480 và phụ lục 01/2019-HDCVDADT-SBĐ/NHCT48	01/10/2019	239.000.000.000 VND	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp lý, hợp lệ thực hiện Dự án Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu An An	Theo từng thời điểm nhận nợ	96 tháng	03 lô đất tại Ấp Tân Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và tài sản trên đất hình thành từ dự án.
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	01/2023/THUANPHUOC-TGD 02PL/01/2023/THUANPHUOC-TGD	18/01/2023 30/07/2024	12.000.000.000 VND	Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5%/năm	30 tháng	Không có tài sản đảm bảo
Bà Lê Thị Minh Thảo	04/2023/THUANPHUOC-LTMT 01PL/04/2023/THUANPHUOC-LTMT	28/12/2023 30/07/2024	10.000.000.000 VND	Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5%/năm	24 tháng	Không có tài sản đảm bảo
Bà Lê Thanh Thảo	03/2023/THUANPHUOC-LTT 01PL/03/2023/THUANPHUOC-LTT	28/12/2023 30/07/2024	15.000.000.000 VND	Vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5%/năm	24 tháng	Không có tài sản đảm bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	216.111.850.000	(4.234.000)	113.781.486.610	20.413.043.513	350.302.146.123
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.204.956.899	14.204.956.899
Chia cổ tức	-	-	-	(6.483.235.500)	(6.483.235.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.400.573.917)	(2.400.573.917)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển	-	-	10.100.321.050	(10.100.321.050)	-
Trích thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	(1.428.913.046)	(1.428.913.046)
Số dư tại ngày 31/12/2023	216.111.850.000	(4.234.000)	123.881.807.660	14.204.956.899	354.194.380.559
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.453.994.974	16.453.994.974
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(10.805.392.500)	(10.805.392.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.100.000.000)	(3.100.000.000)
Trích quỹ Đầu tư, phát triển (*)	-	-	3.627.721.399	(3.627.721.399)	-
Trích thưởng HĐQT, BKS (*)	-	-	-	(994.000.000)	(994.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	216.111.850.000	(4.234.000)	127.509.529.059	12.131.837.974	355.748.983.033

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết ĐHCĐ số 05/NQ-ĐHCĐ ngày 30/03/2024.

(*) Nghị quyết 21/NQ - HĐQT ngày 07/12/2024, thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2%/01 cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 23/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nguyễn Thị Phi Anh	110.660.700.000	102.297.360.000
Trần Văn Lĩnh	15.518.860.000	15.518.860.000
Cổ đông khác	89.928.056.000	98.291.396.000
Cổ phiếu quỹ	4.234.000	4.234.000
Cộng	216.111.850.000	216.111.850.000

4.19.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp đầu năm	216.111.850.000	216.111.850.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	216.111.850.000	216.111.850.000

4.19.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầy tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2024	123.881.807.660
Trích trong năm	3.627.721.399
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2024	127.509.529.059

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.5.Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2024</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.611.185	21.611.185
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu phổ thông	21.611.185	21.611.185
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	400	400
- Cổ phiếu phổ thông	400	400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu phổ thông	21.610.785	21.610.785
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.19.6.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	16.453.994.974	14.204.956.899
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	4.360.308.668	4.094.000.000
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.093.686.306	10.110.956.899
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	21.610.785	21.610.785
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	560	468

Trong năm Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2024. Theo đó lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến phân phối.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 468 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 476 VND/cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	16.453.994.974	14.204.956.899
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng HĐQT, BKS	4.360.308.668	4.094.000.000
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.093.686.306	10.110.956.899
	21.610.785	21.610.785
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.610.785	21.610.785
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	560	468

Trong năm Công ty đã có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2024. Theo đó lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 là lợi nhuận sau thuế trừ đi quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến phân phối.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 được trình bày lại dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 468 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 476 VND/cổ phiếu).

4.19.8. Cổ tức

Nghị quyết ĐHCĐTN số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 3%/vốn điều lệ (tương đương: 6.483.235.500 VND).

Nghị quyết 21/NQ - HĐQT ngày 07/12/2024, thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 2%/01 cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 23/12/2024.

4.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng Cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
+ USD	2.441.168,18	1.855.951,00
+ EUR	144,17	147,34
+ JPY	97.380,00	98.832,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu xuất khẩu thành phẩm	3.064.016.359.210	2.883.086.652.807
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	27.367.115.740	25.515.003.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	750.000.000	-
Cộng	3.092.133.474.950	2.908.601.656.297

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hàng bán bị trả lại	8.702.027.575	27.529.900.312
Cộng	8.702.027.575	27.529.900.312

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	2.801.327.370.906	2.640.848.657.216
Giá vốn thành phẩm trong nước	22.145.832.922	10.233.143.402
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.756.685)	-
Cộng	2.823.364.447.143	2.651.081.800.618

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi bán các khoản đầu tư	-	18.424.870
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	167.466.830	319.401.561
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	59.668.937.112	47.864.477.344
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	157.027.986
Doanh thu hoạt động tài chính khác	93.619.000	187.696.000
Cộng	59.930.022.942	48.547.027.761

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	43.992.695.550	55.952.644.894
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	(45.583.250)	-
Dự phòng các khoản đầu tư	-	62.910.400
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán	40.403.044.323	48.631.994.915
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.129.794.496	1.604.802.011
Cộng	92.479.951.119	106.252.352.220

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí vận chuyển đường biển	96.412.568.154	57.389.675.749
Phí tư vấn kỹ thuật	20.646.814.539	11.743.799.762
Chi phí khác bằng tiền	47.311.762.754	40.720.562.164
Cộng	164.371.145.447	109.854.037.675

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	15.670.696.532	13.269.752.502
Chi phí công cụ văn phòng	1.890.273.390	1.479.490.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.963.975	1.132.939.668
Thuế, phí và lệ phí	351.765.033	365.101.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.829.735.247	7.791.289.643
Chi phí khác bằng tiền	12.978.233.107	18.686.656.029
Cộng	44.262.667.284	42.725.230.760

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu tiền căng tin	114.000.000	-
Thu tiền bồi thường	-	1.629.600.000
Thanh lý tài sản cố định	36.363.636	-
Các khoản khác	44.924.945	6.395.654
Cộng	195.288.581	1.635.995.654

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	22.137.877	762.057.247
Lỗ thanh lý TSCĐ	-	185.870.733
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	252.667.555	141.120.961
Chi phí khác	491.521.717	304.393.064
Cộng	766.327.149	1.393.442.005

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	18.312.220.756	19.947.916.122
- Lợi nhuận từ hoạt động ưu đãi	17.366.931.805	18.311.920.468
- Lợi nhuận từ hoạt động không được ưu đãi	945.288.951	1.635.995.654
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(6.239.145.192)	17.793.146.811
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.977.331.774	21.667.918.826
- Phạt hành chính, phạt thuế	22.137.877	762.057.247
- Chi phí lãi vay theo nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	18.874.357.729
- Chi phí khác không được trừ	744.189.272	485.124.025
- Điều chỉnh tăng khác	2.211.004.625	822.308.488
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm	-	724.071.337
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	9.216.476.966	3.874.772.015
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.619.000	187.696.000
- Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước	724.071.337	3.687.076.015
- Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm nay	1.031.280.375	-
- Điều chỉnh giảm khác	822.308.488	-
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2021 theo ND 20/2025/NĐ-CP	2.770.326.220	-
- Chi phí lãi vay được chuyển năm 2023 theo ND 20/2025/NĐ-CP	3.774.871.546	-
Tổng thu nhập tính thuế	12.073.075.564	37.741.062.933
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động ưu đãi	11.127.786.613	36.105.067.279
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động không được ưu đãi	945.288.951	1.635.995.654
Thuế suất thuế TNDN hiện hành		
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành	1.858.225.782	5.742.959.223

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.258.229.742.057	2.151.334.397.964
Chi phí nhân công	294.274.036.089	304.823.454.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.010.884.272	47.191.012.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.206.954.871	108.996.713.822
Chi phí khác bằng tiền	182.628.718.053	174.617.334.746
Cộng	2.946.350.335.342	2.786.962.913.657

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.655.246.989.324	2.788.819.930.737
Cộng	2.655.246.989.324	2.788.819.930.737

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền chi trả gốc vay theo kế ước thông thường	2.881.249.612.637	2.585.316.288.306
Cộng	2.881.249.612.637	2.585.316.288.306

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUANDanh sách các bên liên quan

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khác		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	18.546.489.690	24.454.806.040
Ông Trần Văn Lĩnh	-	100.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	-	4.000.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thảo	-	2.010.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.5	18.546.489.690	30.564.806.040

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Vay và nợ thuê tài chính		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	12.000.000.000	20.000.000.000
Ông Trần Văn Lĩnh	-	7.000.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	10.000.000.000	10.000.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thảo	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng - Xem thêm mục 4.18	37.000.000.000	52.000.000.000

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nhận tiền cho vay		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	-	12.000.000.000
Ông Trần Văn Lĩnh	-	7.000.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	-	10.000.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thảo	-	15.000.000.000

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trả nợ vay		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	8.000.000.000	25.000.000.000
Ông Trần Văn Lĩnh	7.000.000.000	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	5.616.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi vay phát sinh trong năm		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	850.684.932	2.275.824.658
Ông Trần Văn Lĩnh	318.849.315	124.849.315
Bà Lê Thị Minh Thảo	500.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh Thảo	750.000.000	-

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi vay đã trả		
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	850.684.932	2.275.824.658
Ông Trần Văn Lĩnh	318.849.315	124.849.315
Bà Lê Thị Minh Thảo	500.000.000	-
Bà Lê Thị Thanh Thảo	750.000.000	-

Cam kết bảo lãnh:

- Bà Nguyễn Thị Phi Anh đã dùng số dư tài khoản tiết kiệm thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng Cấp tín dụng số 115/2024/CTD/VCB-KHDN ngày 24/07/2024, tất cả các hợp đồng Cấp tín dụng và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Công ty và Ngân hàng trong thời hạn 20 năm kể từ 01/01/2017.

Thủ lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	96.000.000	96.000.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

Địa chỉ: Số 02 đường Bùi Quốc Hưng, Khu Công nghiệp dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Văn Lĩnh	Chủ tịch HĐQT	465.736.000	459.536.000
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	671.070.000	696.528.000
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	283.608.000	260.981.500
Bà Lê Thị Minh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	330.876.000	331.609.000
Bà Lê Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	361.718.000	346.738.000
Ông Phạm Đình Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	441.854.000	409.160.500
Ông Đoàn Hữu Lý	Phó Tổng Giám đốc	234.841.000	-
Ông Nguyễn Văn Trung	Trưởng BKS	139.625.000	150.889.000
Ông Mai Đăng Hải	Thành viên BKS	213.651.000	168.487.000
Bà Huỳnh Thị Nguyệt	Thành viên BKS	188.636.000	189.137.000

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Phi Anh
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Hà Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Quyên
Người lập